

LỊCH SỬ

TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY

NGUYỄN TIẾN DŨNG



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS. TS NGUYỄN TIẾN DŨNG

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY

(Giáo trình)

NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH

LỜI MỞ ĐẦU

Kính thưa quý vị!

Quý vị đang có trong tay cuốn Lịch sử triết học phương Tây, được biên soạn để dành cho ngành Giáo dục chính trị, Triết học và các ngành Khoa học xã hội Nhân văn. Do vậy, so với các giáo trình hiện có, nó có thể dày hơn về số trang, bởi chúng tôi quan niệm nghiên cứu và tiếp nhận triết học nếu chỉ thuần túy ghi nhớ thì quả là một việc làm nặng nề và khó khăn.

Vì thế, theo thiện ý của người viết là cố gắng hết sức để có thể tạo ra một cuốn sách trước tiên với tư cách là giáo trình, sau đó như là một nguồn tư liệu về lịch sử triết học, ngõ hầu giúp ích được nhiều nhất cho người học.

Tuy vậy, mong muốn và cái đích đạt được không phải bao giờ cũng là một, nên có chỗ nào chưa đáp ứng được thì xin được chỉ bảo thêm.

Goethe - nhà triết học lừng danh người Đức từng nói: “Chúng ta phải tiếp thu học tập ở những người đi trước chúng ta. Ngay cả những thiên tài cực kỳ vĩ đại cũng không thể tiến xa được nếu chỉ muốn lấy mọi thứ từ thế giới nội tâm của mình”. Như tính quy luật, công trình này được tạo dựng trên cơ sở những nguồn tài liệu quý giá của thế hệ đi trước và đồng nghiệp.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn PGS. TS. Doãn Chính, PGS. TS. Đinh Ngọc Thạch, PGS. Bùi Thanh Quất, TS. Đỗ Minh Hợp, các quý thầy, quý đồng nghiệp mà chúng tôi may mắn được diện kiến và những người chỉ được biết qua trang sách đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành công trình này.

Huế, 4/7/2005 PGS. TS. Nguyễn Tiến Dũng

CHƯƠNG I

TRIẾT HỌC HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

“Không có chế độ nô lệ thì không có quốc gia Hy Lạp, không có nghệ thuật và khoa học Hy Lạp, không có chế độ nô lệ thì không có đế quốc La Mã mà không có cái cơ sở của nền văn minh Hy Lạp và đế quốc La Mã, thì không có Châu Âu hiện đại được”.

(Engel)

I. HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT HỌC HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

1.1. ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ- KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

Nếu lật lại bản đồ thời cổ đại, chúng ta dễ dàng nhận thấy lãnh thổ Hi Lạp cổ đại là một vùng đất vô cùng rộng lớn, lớn hơn nhiều lần với đất nước Hi Lạp trên bản đồ ngày nay. Ngày ấy, bao gồm miền Nam bán đảo Balkan, một hệ thống hòn đảo trên vùng biển Égée và cả miền Nam bán đảo Tiểu Á.

Thiên nhiên ban cho đất nước Hi Lạp tọa lạc vào một vị trí vô cùng thuận lợi. Khí hậu, đất đai, biển cả và lòng nhiệt thành của con người là những tài vật, tài lực vô giá để cho tư duy bay bổng, mở rộng các mối bang giao và phát triển kinh tế.

Sự phát triển đã kéo theo sự phân công lao động trong nông nghiệp, giữa ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi...

Vào thế kỷ XV cho đến thế kỷ IX TCN, xu hướng chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ đã hiện dần và ngày càng rõ nét. Sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp, thủ công nghiệp từ cuối thế kỷ thứ VII TCN là lực đẩy quan trọng cho trao đổi, buôn bán, giao lưu trong khu vực, dẫn đến sự ra đời các thành bang (polis) và các trung tâm văn hóa lớn như Athène, Sparte, Thebes...

Thành bang Athène nằm trên vùng đồng bằng thuộc trung bộ Hi Lạp, là nơi có nhiều hải cảng thuận tiện cho việc trao đổi mậu dịch, làm xuất hiện các quan hệ hàng - tiền từ rất sớm và chính quan hệ này đã giúp cho giai cấp chủ nô giàu lên nhanh chóng. Những người lao động trí óc đầu tiên cũng xuất hiện ở Athène. Họ là một bộ phận được học hành trong giai cấp chủ nô giàu có. Athène không chỉ là một trung tâm văn hóa của Hi Lạp cổ đại mà còn là chiếc nôi của triết học Châu Âu.

Sự tranh giành quyền bá chủ Hi Lạp giữa thành bang Athène và thành bang Sparte đã trở thành một cuộc chiến tranh tàn khốc kéo dài trên ba mươi năm, làm cho đất nước Hi Lạp suy yếu, lực lượng sản xuất bị tàn phá nghiêm trọng. Chiến tranh, nghèo đói đã châm ngòi cho các cuộc nổi dậy của nô lệ. Chớp lấy thời cơ, nhà nước Macédoine ở phía Bắc Hi Lạp, dưới sự chỉ huy của vua Philip đã đem quân thôn tính toàn bộ Hi Lạp, và đến thế kỷ thứ II TCN, Hi Lạp một lần nữa lại rơi vào tay đế chế La Mã.

Sự hình thành triết học Hi Lạp không diễn ra một cách ngẫu nhiên mà là kết quả tất yếu của việc kế thừa những di sản tinh túy của truyền thống trong sáng tác dân gian, trong thần thoại, trong các hình thái sinh hoạt tôn giáo, trong các mầm mống của tri thức khoa học và là kết quả của đời sống kinh tế xã hội.

Đứng trước thế giới bao la và đầy bí ẩn với tư duy non trẻ của mình, con người không thể có được lời giải đáp thuyết phục. Vì vậy, con người phải viện dẫn đến năng lực tưởng tượng để diễn giải những kỳ bí của tự nhiên. Thần thoại trở thành sự đối diện đầu tiên của con người với tự nhiên.

Hi Lạp cổ đại là đất nước của thần thoại và sử thi ở phương Tây cổ đại. Thần thoại không chỉ giúp ta truy tìm về nguồn gốc của các sự vật cụ thể, của mỗi hiện tượng tâm linh, của những trạng thái tâm lý, của sự hình thành số phận, của cái hữu hạn và cái vô hạn... mà đây còn là một thế giới đầy tất bật, toan tính và sống động như đời thường. Nền tảng hiện thực của tư duy đã lộ ra khi bức màn tưởng tượng được vén lên.

Sự xuất hiện của các nhà triết học đầu tiên đã làm thành bước rẽ trong phát triển của thần thoại. Những viễn cảnh bóng bẩy do tư duy của con người tạo ra đã bớt đi sự hấp dẫn trong khi những nhu cầu của đời sống thường nhật đã trở nên bức bách đòi hỏi phải được cắt nghĩa bằng tri thức chân thực. Niềm tin chất phác, ngây thơ vào sự tồn tại của thần thánh đã được thay thế bằng những luận giải sâu sắc của lý tính,

của sự thông thái. Đó là lý do vì sao các nhà triết học lại được gọi là “những người yêu mến sự thông thái”.

Theo truyền thuyết thì Pythagore là người đầu tiên đã gọi những người dùng lý tính của mình để suy tư về lẽ sống, tìm kiếm chân lý, là những nhà triết học. Ông nói: “Có thể so sánh cuộc đời con người với cái chợ và đại hội Olympic. Ở chợ có kẻ mua và người bán đó là những người tìm kiếm lợi lộc. Những người tham gia Olympic là những người quan tâm tới vinh quang và nổi tiếng. Nhưng còn có các khán giả chăm chú theo dõi những gì diễn ra ở đó. Cuộc đời của con người cũng như vậy, phần lớn người ta quan tâm tới sự giàu có và danh vọng, tất cả đều chạy theo chúng, chỉ ít người trong đám đông ồn ào là không tham gia vào cuộc chạy đó, mà theo dõi, nghiên cứu bản chất của các sự vật, yêu thích sự nhận thức chân lý hơn tất cả. Họ được gọi là những nhà triết học, những người yêu quý sự thông thái, chứ không phải là các nhà thông thái và chỉ có một mình Chúa mới có sự thông thái toàn diện, còn con người chỉ hướng tới nó”.

Vào thế kỷ IX cho đến thế kỷ VII TCN, đó là thời kỳ nhân loại chuyển từ thời đại đồ đồng sang thời đại đồ sắt. Bằng chất liệu sắt, người Hi Lạp đã đóng được những chiếc thuyền lớn cho phép họ vượt biển Địa Trung Hải để tìm kiếm những miền đất mới. Nhờ đó mà lãnh thổ Hi Lạp được mở rộng.

Do nhu cầu buôn bán, trao đổi hàng hóa mà các chuyến vượt biển đến với các nước phương Đông đã trở nên thường xuyên. Khi những con thuyền tung mình lướt sóng thì tầm nhìn của những người Hi Lạp cổ đại cũng được mở rộng, các

thành tựu văn hóa của Ai Cập, Babilon đã làm cho người Hi Lạp ngạc nhiên. Những tinh hoa về toán học, thiên văn học, địa lý, hệ thống đo lường, lịch pháp... và cả những yếu tố huyền học cũng được người Hi Lạp đón nhận. Các nhà triết học đầu tiên của Hi Lạp thường là người đã nhiều lần du lịch sang phương Đông, hoặc sinh ở khu vực Cận Đông như Talét, HyLông, Pit-tax, Sôlông, Pêriandro Corinphoxki... Bản thân Sôlông đã từng nhắc lại rằng: “Những người Hi Lạp mãi mãi là đứa trẻ nếu không hiểu biết gì về Ai Cập”.

Tuy vậy không nên hiểu một cách đơn giản triết học Hi Lạp chỉ là sự kế thừa thuần túy những tư tưởng ở bên ngoài mà điều kiện quyết định sự hình thành và phát triển của triết học Hi Lạp là kết quả nội sinh tất yếu của cả một dân tộc, một thời đại, Marx viết: “Các nhà triết học không phải những cây nấm mọc trên đất. Họ là sản phẩm của thời đại mình, dân tộc mình mà những tính lực tinh tế nhất, quý giá nhất và khó nhìn thấy nhất đã được suy tư trong các khái niệm triết học”.

Sự phát triển của triết học Hi Lạp cổ đại được chia làm ba thời kỳ sau đây:

- *Triết học thời kỳ tiền Socrate*: Về mặt thời gian đây là buổi đầu của chế độ chiếm hữu nô lệ.

Triết học với những bước chập chững đầu tiên đi lý giải những vấn đề của tư duy và tồn tại vì vậy chưa thoát khỏi sự ảnh hưởng của thần thoại và tôn giáo. Thế giới quan triết học còn ở trình độ thấp sơ khai. Triết học tự nhiên chiếm ưu thế.

Các trường phái tiêu biểu là trường phái Milet (mi-lê), trường phái Pythagore, trường phái Héraclite (Héracolit), trường phái Élée... Các nhà triết học đồng thời là các nhà khoa học tự nhiên.

Một vài vấn đề khác cũng được khơi mào như nguồn gốc của sự sống, đối tượng của nhận thức... nhưng vấn đề chủ yếu vẫn là vấn đề bản thể luận.

- *Triết học thời kỳ Socrate (hay còn gọi là triết học thời kỳ cực thịnh)*. Các triết gia ở thời kỳ trước say mê với lại tự nhiên nhưng lại quên mất vấn đề cực kỳ thiết thân và nhạy cảm đó là vấn đề con người.

Khi Socrate tuyên xưng: “Con người hãy tự ý thức về bản thân mình” thì ông đã tạo ra một bước ngoặt trong sự phát triển của triết học. Người ta bảo ông đã đưa triết học từ trên trời xuống bám rễ ở trần gian. Cùng với Protagore, chủ nhân của khẳng định: “Con người - thước đo của vạn vật”, Socrate đã tấu lên bài ca về con người. Đó là con người với đầy những nỗi lo toan vất vả, vật lộn của cuộc sống hàng ngày... trong khát vọng vươn lên để hiểu chính mình, rộng ra là hiểu những gì xung quanh nó và cao hơn là xác lập được chỗ đứng, thân phận của nó trong sự mênh mông của vũ trụ. Nghĩa là triết học phải từ con người, vì con người sau mới đến những cái khác.

Đây là thời kỳ của những triết gia lừng danh, làm rạng rỡ nền văn hóa Hi Lạp như Platon, Aristote, Démocrite... và tất nhiên là không thể thiếu Socrate.

- *Thời kỳ Hi Lạp hóa*, trong lịch sử có lẽ Hi Lạp cổ đại là đất nước mở đầu cho hiện tượng là một đất nước bị thôn tính